

Số: /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp được tổng hợp tại Công văn số 4329/STNMT-QLMT ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường ngày 09 tháng 10 năm 2023 kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 988/QLDA-KHTH ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 745/TTr-STNMT ngày 08 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, địa chỉ tại số 10, đường Lê Thị Riêng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 78, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 1106/QĐ-UBND.HC ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Mã số thuế: 1400527427.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám và chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 15.582 m² (theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND Thành phố Cao Lãnh).

- Tổng mức vốn đầu tư: 85.147.181.000 đồng thuộc nhóm B, có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

- Bệnh viện quy mô: 250 giường bệnh phân bổ cho các khoa, phòng như sau:

+ Khoa hồi sức tích cực – chống độc: 20 giường

+ Khoa Nội tổng hợp A: 78 giường

+ Khoa Nội tổng hợp B: 84 giường

+ Khoa Ngoại – Phụ: 8 giường

+ Khoa phục hồi chức năng: 60 giường

- Quy trình khám chữa bệnh của bệnh viện: Bệnh nhân đến đăng ký → Nơi thu tiền viện phí → Bác sỹ khám (có thể chỉ định xét nghiệm, chụp phim, siêu âm) → Toa thuốc ra về hoặc nhập viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Y tế; Xây dựng; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/ĐTQH.lgy(10 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phước Thiện

Phụ lục 1

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm
2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu hành chính;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các Khối nhà chuyên môn;
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh Khoa chống nhiễm khuẩn;
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh Khoa xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh;
- Nguồn số 05: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh Khoa điều trị nội trú – Dược;
- Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh Khoa khám và điều trị ngoại trú.

2. Vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của đô thị trên đường Lê Thị Riêng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí, nước thải sau xử lý sẽ được dẫn vào cống thoát nội bộ sau đó tự chảy ra cống thoát chung của đô thị trên đường Lê Thị Riêng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0): X= 1157371; Y= 568740.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định, từ hệ thống xử lý nước thải đưa ra hố ga theo ống dẫn thoát vào cống thoát nước chung của khu vực.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Chu kỳ xả liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế áp dụng K=1,2 (quy mô 250 giường bệnh). Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms,

Salmonella, Shigella, Vibrio cholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số $K = 1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa ($K=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6,5 - 8,5	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60		
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD_5)	mg/L	36		
4	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	7,2		
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	6		
6	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	60		
7	Tổng coliforms	MPN/100mL	3.000		
8	Sunfua	mg/L	1,2		
9	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	12		
11	Salmonella	VK/100ml	KPH		
12	Shigella	VK/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nguồn phát sinh theo hệ thống ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý. Các ống thoát nước thải từ các khu vực phát sinh phân chia theo nguồn, cụ thể:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt từ các nhà vệ sinh Khu hành chính, các khối nhà chuyên môn được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại, sau đó thoát vào hồ thu gom qua đường ống PVC Ø90, HDPE Ø200, PVC Ø220 tiếp tục chảy vào hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện để xử lý.

+ Nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh từ các Khoa chuyên môn (Khoa chống nhiễm khuẩn, Khoa xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh, Khoa điều trị nội trú – Dược, Khoa khám và điều trị ngoại trú) được thu gom qua hệ thống ống PVC Ø90, HDPE Ø200 sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng ống PVC Ø220.

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế theo độ dốc công trình, đảm bảo nước thải đưa về hệ thống xử lý bằng hình thức tự chảy qua các tuyến ống PVC Ø90, HDPE Ø200, PVC Ø220 bố trí dọc theo các khối phòng ban và tuyến đường nội bộ.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột A, K = 1,2), dẫn vào đường cống thoát nội bộ của bệnh viện, sau đó thoát ra cống chung trên đường Lê Thị Riêng. Đường ống thoát nước thải là đường ống PVC Ø114. Nước thải xả vào cống đô thị theo phương thức tự chảy theo cao trình, chế độ xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

Tọa độ vị trí xả nước thải tại điểm đầu nối vào cống thoát nước chung trên đường Lê Thị Riêng (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X= 1157371; Y= 568740.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Xử lý theo phương pháp kết hợp quy trình sau: nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Xả thải ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Lê Thị Riêng, đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, hệ số K = 1,2.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Trong quá trình vận hành hệ thống, nếu hệ thống có sự cố thì chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Khi sự cố xảy ra tiến hành sẽ đóng van xả ra nguồn tiếp nhận;

- Toàn bộ nước thải phát sinh sẽ được lưu trữ trong bể điều hòa khi hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động. Tạm thời thuê đơn vị môi trường có chức năng đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý.

- Khẩn trương khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, tránh trường hợp công trình bị quá tải.

- Bơm nước thải trở lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải.

Ngoài ra, để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải trong quá trình vận hành, Bệnh viện có bố trí bộ phận kỹ thuật theo dõi thường xuyên hoạt động của hệ thống, cụ thể:

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải khi nhận bàn giao hệ thống.

- Dự kiến lập kế hoạch ứng cứu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định.

- Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động liên tục, có gắn đồng hồ đo lưu lượng và ghi chép nhật ký nước thải hàng ngày.

- Khi có sự cố xảy ra vượt ngoài khả năng xử lý của nhân viên vận hành trực tiếp, phải lập tức ngưng hệ thống và báo ngay cho ban lãnh đạo bệnh viện khẩn trương chỉ đạo xử lý, đồng thời liên hệ với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải để được hỗ trợ nguồn lực, phương án thu gom, xử lý khi sự cố diễn ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: thực hiện vận hành thử nghiệm trong thời gian 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất: 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X = 1157371; Y = 568740

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	36
3	COD	mg/L	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	7,2
9	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	12
10	Coliforms	MPN/ 100mL	3.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ ống khói lò đốt rác thải y tế

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Ống khói thoát khí thải từ lò đốt chất thải y tế. Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3°); X=1157282; Y=568796

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn, thời gian xả thải theo thời gian hoạt động của lò đốt

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 02:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế, cột B. Cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 02:2012/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	06 tháng/1 lần	Không
2	Axit clohydric, HCL	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxit, CO	mg/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		
6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm ³	0,16		
8	Chì và hợp	mg/Nm ³	1,2		

	chất tính theo chì, Pb				
9	Tổng Dioxin/Furan	ngTEQ/Nm ³	2,3		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải được thu gom bằng quạt hút cưỡng bức đưa về tháp hấp thụ để xử lý thoát ra môi trường qua ống khói đường kính D300mm, chiều cao 20,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ lò đốt → Tháp giải nhiệt và xử lý khí thải → khí thải sau xử lý được thoát qua ống khói (H=20,5m; D=300mm).
- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

STT	Công trình/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1.	Buồng đốt sơ cấp	Nhiệt độ: 650°C	01
2.	Buồng đốt thứ cấp	Nhiệt độ ổn định: 1050°C - 1100°C	02
3.	Cấu tạo Buồng đốt sơ cấp và buồng đốt thứ cấp	Có cấu tạo gồm 3 lớp: - Lớp thứ nhất: Thép SS400, dày 5mm - Lớp thứ hai: lớp xốp cách nhiệt, nhiệt độ tối đa 1300°C, dày 50 mm - Lớp thứ ba: lớp vật liệu chịu lửa, nhiệt độ tối đa 1700°C dày 150 mm	-
4.	Phần ống nối từ lò đốt ra tháp giải nhiệt	Cấu tạo 2 lớp: - Lớp thứ nhất: Thép Inox SUS 304 dày 3mm - Lớp thứ hai: vật liệu chịu lửa, nhiệt độ tối đa 1700°C, dày 50 mm	01
5.	Tháp giải nhiệt và thu gom tro bụi	- Vật liệu: thép CT3 chống ăn mòn, chống rỉ sét và chịu nhiệt.	01

STT	Công trình/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		- Phần thân cấu tạo 2 lớp: + Lớp thứ nhất: thép Inox SUS 304, dày 2mm, kích thước (D820 x 1558) mm; + Lớp thứ hai: vật liệu chịu lửa, dày 50mm, nhiệt độ tối đa 1700°C	
6.	Ống khói	- Vật liệu: Inox SUS 304, dày 2mm - Đường kính D300mm - Chiều cao H=20,5m	01

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công nhân vận hành lò đốt được đào tạo về chuyên môn và kỹ thuật an toàn, nắm vững đặc điểm, cấu tạo, quy trình vận hành, sự cố thường gặp và có biện pháp xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng lò đốt để phát hiện các sự cố và có biện pháp khắc phục hợp lý.

- Trong trường hợp lò đốt rác bị hỏng cần thay thế, toàn bộ chất thải được lưu tại nhà kho chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: thực hiện vận hành thử nghiệm trong thời gian 06 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Lò đốt chất thải y tế công suất 30 kg/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại ống khói xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, vĩ độ 3°): X = 1157282; Y = 568796

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Đơn vị quản lý dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của lò đốt chất thải y tế theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường
- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ vận hành máy móc, thiết bị trong hoạt động của bệnh viện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí phát sinh X=1157228; Y=568701 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 02: Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị của bệnh viện. Tọa độ vị trí phát sinh X=1157279; Y= 568673 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Chỉ tiêu	Thời gian áp dụng trong ngày		Ghi chú
		Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Cường độ ồn	55 dBA	45 dBA	Khu vực đặc biệt

3.1. Độ rung:

STT	Chỉ tiêu	Thời gian áp dụng trong ngày		Ghi chú
		Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	Mức gia tốc rung	60 dB	55 dB	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc với thiết bị, máy móc có cường độ ồn cao.

- Biện pháp tổng thể là trồng cây xanh cách ly, tạo không gian cảnh quan và góp phần giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**ĐỀ XUẤT NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số _____ /GPMT-UBND ngày _____ tháng 12
năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại lây nhiễm**

Trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh ra khối lượng chất thải nguy hại lây nhiễm, được thu gom và lưu chứa trong khu vực tập kết chất thải lây nhiễm có diện tích 1,7m². Tần suất 1 lần/ngày và tiến hành xử lý bằng phương pháp đốt.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			GĐ hiện hữu	GĐ nâng cấp	Tổng cộng
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	612,5	161	773,5
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	2.624,5	584	3.208,5
Tổng khối lượng			3.237	745	3.982

1.2. Khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
				GĐ hiện hữu	GĐ nâng cấp	Tổng cộng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	35	10	45
2	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	Lỏng	19 01 01	92	21	113
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	64	11	75

4	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi có các thành phần nguy hại từ quá trình đồng xử lý trong các cơ sở đốt	Rắn	04 02 01	711	192	903
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	03 05 08	49	14	63
6	Giấy in và phim ảnh thải bỏ không chứa bạc hoặc hợp chất của bạc	Rắn	19 01 09	49	18	67
Tổng khối lượng				1.000	266	1.266

Chất thải nguy hại không lây nhiễm tại bệnh viện sẽ được lưu chứa trong phòng tập kết chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích 2,5m² để hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường

Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn thông thường phát sinh từ nhân viên và các đối tượng khác bao gồm: Chất thải rắn thông thường không tái chế (rau quả, thực phẩm thừa,...) và Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy, lon, chai, lọ, hộp,...) với khối lượng khoảng 486,2 kg/ngày và được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại lây nhiễm phát sinh tại các khoa phòng bệnh sẽ được hộ lý và y tá phân loại ngay tại thời điểm chất thải phát sinh và đựng trong các túi, thùng đựng chất thải (vật liệu bằng PE hoặc PP có phân loại màu: vàng) theo đúng quy định của Bộ Y tế.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa: Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: diện tích 1,7m², thiết kế nền gạch, vách tường, mái lợp tole và biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa đối với chất thải lây nhiễm. Đảm bảo chất thải không bị rơi vãi, đảm bảo che chắn tránh mưa gió và các yếu tố làm rò rỉ chất thải ra môi trường bên ngoài.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động khám chữa bệnh được thu gom lưu chứa vào các hộp/thùng có lót túi màu đen, có dán nhãn cảnh báo mã CTNH. Nhân viên vệ sinh của bệnh viện sẽ định kỳ thu gom lượng chất thải này về phòng chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm tập trung của cơ sở với tần suất 1 lần/ngày.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: Kho lưu trữ chất thải nguy hại không lây nhiễm có diện tích là 2,5 m² (2,0m x 1,25m), thiết kế nền gạch, vách tường, mái

lọp tole. Tại đây, loại chất thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định. Phòng chứa CTNH không lây nhiễm được bố trí 06 thùng chứa có dung tích 120L/thùng, có nắp đậy, trên mỗi thùng rác có dán tên và mã số chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, có trang bị thiết bị PCCC, ứng phó sự cố tràn đổ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại bệnh viện sẽ được phân loại và thu gom lưu chứa vào các túi/thùng có lót túi màu xanh đối với chất thải rắn thông thường không tái chế và túi/thùng có lót túi màu trắng đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế để thu gom, lưu chứa chất thải theo quy định.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chất thải rắn thông thường không tái chế sẽ được thu gom về nhà chứa có diện tích 12m² và chuyển giao, xử lý hàng ngày. Nhà chứa có tường kín bao quanh, mái lợp tone, nền tráng xi măng.

Chất thải rắn thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế sẽ được thu gom về nhà chứa có diện tích 10m². Nhà chứa có tường kín bao quanh, mái lợp tone, nền tráng xi măng. Hợp đồng với đơn vị thu gom, chuyển giao xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.